

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT: Số nhà 150, tổ 04, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Bích Tr, sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT: Số nhà 150, tổ 04, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 979, tổ 29, ấp A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Ph có mặt tại phiên tòa; Chị Tr vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày: Năm 2015, anh Ph và chị Phạm Thị Bích Tr tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68, ngày 21/8/2018.

Sau lễ cưới, anh Ph và chị Tr sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Ph tại ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, chị Tr bỏ nhà đi vào khoảng tháng 10 năm 2018, anh Ph và chị Tr sống xa nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ph yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Bích Tr.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Ph và chị Tr có 01 con chung tên: Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017. Anh Ph yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 246/TB-TLVA ngày 18/5/2020 cho chị Phạm Thị Bích Tr thông qua người thân là bà Nguyễn Chúc L (mẹ ruột Tr) nhận thay và bà Linh xác nhận có thông tin cho chị Tr biết về việc anh Ph khởi đơn kiện ly hôn với chị Tr tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của chị Tr đối với yêu cầu của anh Ph và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của chị Tr gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Tr vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 13/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 506/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho chị Phạm Thị Bích Tr được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (bà Nguyễn Chúc L mẹ ruột chị Tr) nhưng chị Tr không gửi văn bản ý kiến của chị Tr cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Tr vắng mặt, anh Ph kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Tr.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh Công An xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Nguyễn Chúc L (mẹ ruột chị Tr). Cụ thể:

- Công An xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Phạm Thị Bích Tr, sinh năm 1998, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Bình, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện chị Bích Tr không có mặt tại địa phương, đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Năm 2018, anh Nguyễn Văn Ph có kết hôn với chị Phạm Thị Bích Tr. Quá trình chung sống, vợ chồng anh Ph và chị Tr có mâu thuẫn như thế nào thì Hội Phụ nữ không biết. Chị Tr và anh Ph có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bảo Đ, sinh

năm 2017. Hiện cháu Đ do anh Ph trực tiếp nuôi dạy từ nhỏ cho đến nay. Anh Ph và gia đình anh Ph tại địa phương có nguồn thu nhập ổn định, có đạo đức tốt.

- Bà Nguyễn Chúc L (mẹ ruột chị Phạm Thị Bích Tr) khai: Hiện tại Tr hiện đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tr biết việc Ph yêu cầu ly hôn với Tr do Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho Tr, bà Linh là người nhận và gọi điện cho Tr hay. Tr và Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau khi Tr và Ph học phổ thông (khoảng năm 2015), được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới năm 2016. Đến năm 2018, Tr và Ph đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh. Sau kết hôn, Tr và Ph chung sống với gia đình Ph tại ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh. Thời gian đầu, Tr và Ph chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Khoảng tháng 10/2018, Tr về nhà bà Linh chung sống và sau đó đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Tr và Ph có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bảo Đ, sinh năm 2017. Cháu Đ hiện do Ph trực tiếp nuôi, Ph nuôi dạy cháu Đ tốt. Tr và Ph chung sống với nhau không hạnh phúc nên Tòa án cứ xét xử theo quy định của pháp luật. Về con chung, do Ph trực tiếp nuôi dạy cháu Đ từ nhỏ nên cứ để Ph tiếp tục nuôi dạy cháu Đ. Trước đây, bà Linh đã nhận thay 02 (hai) văn bản tố tụng cho Tr và đã thông báo cho Tr hay. Bà Linh đồng ý tiếp tục nhận thay các văn bản tố tụng do Tòa án tổng Đ cho Tr và cam kết giao tận tay cho Tr hoặc gọi điện cho Tr biết qua điện thoại.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của anh Ph và chị Tr là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2018. Tháng 10 năm 2018, anh Ph và chị Tr phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, chị Tr bỏ nhà đi vào khoảng tháng 10 năm 2018, anh Ph và chị Tr sống xa nhau từ thời gian đó cho đến nay. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh Ph yêu cầu ly hôn với chị Tr là có căn cứ.

Về con chung: Anh Ph có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, anh Ph trực tiếp nuôi dạy con chung, có cuộc sống ổn định, chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ph được ly hôn chị Phạm Thị Bích Tr.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Ph được nuôi dạy cháu Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017. Chị Phạm Thị Bích Tr không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Bích Tr. Chị Tr có nơi cư trú: Ấp Ph, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Phạm Thị Bích Tr được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2015, anh Ph và chị Phạm Thị Bích Tr tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68, ngày 21/8/2018, hôn nhân giữa anh Ph và chị Tr là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh Ph khai, sau lễ cưới, anh Ph và chị Tr sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Ph tại ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, chị Tr bỏ nhà đi vào khoảng tháng 10 năm 2018, anh Ph và chị Tr sống xa nhau từ thời gian đó cho đến nay. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ph kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Bích Tr.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Nguyễn Chúc L (mẹ ruột chị Tr): Năm 2018, Ph và Tr phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên vào khoảng tháng 10/2018 Tr về nhà bà Linh chung sống và sau đó đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của anh Ph và chị Tr phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và sống xa nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, chị Tr không tìm đến anh Ph để hàn gắn tình cảm gia đình cũng không liên lạc hỏi thăm con chung. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh Ph và chị Tr hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Tr vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh Ph và chị Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho anh Ph. Xét, cho anh Nguyễn Văn Ph ly hôn với chị Phạm Thị Bích Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017; Không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu và biên bản xác minh bà Nguyễn Chúc L: Cháu Đ do Ph trực tiếp nuôi dạy từ nhỏ cho đến nay. Ph có nguồn thu nhập ổn định, có đạo đức tốt.

Xét, anh Ph yêu cầu được nuôi dạy con chung Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Anh Nguyễn Văn Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phạm Thị Bích Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Chị Tr không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ph.

Anh Nguyễn Văn Ph được ly hôn với chị Phạm Thị Bích Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 21/8/2018, do Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn Ph và chị Phạm Thị Bích Tr không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Ph được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 28/01/2017. Chị Phạm Thị Bích Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phạm Thị Bích Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0001330 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Anh Nguyễn Văn Ph đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị Bích Tr không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Ph là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Tr là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**